Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2703.00.10

Mã HS	2703.00.10
Mô tả hàng hóa	Than bùn (kể cả bùn rác), đã hoặc chưa đóng bánh / - Than bùn, đã hoặc chưa ép thành kiện, nhưng chưa đóng bánh
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 01:57:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/27030010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	3	3%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3256
Thuế NK ưu đãi (MFN)	2	2%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3256
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3256
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường	MT	Chịu thuế BVMT – xem biểu	579/2018/UBTVQH14	2018-09-26	BT2026!CV3256
Thuế xuất khẩu	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3256
Thuế XK ưu đãi CPTPP	15	15%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM3256
Thuế XK ưu đãi EVFTA	15	15%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP3256
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	15	15%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS3256

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3244
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3205
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3205
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3205
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3205
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3205
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3205
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3243
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3243

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3243
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3243
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3243
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3243
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3247
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3247
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3247
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3247
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3247
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3247
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3247
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3211
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3207
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3207
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3207
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3207
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3207
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3207
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3207
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3207
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3207
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3207
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3207
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3207
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3254
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3254

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3254
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3254
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3254
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3254
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3251
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3251
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3251
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3251
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3251
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3251
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3259
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3259
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3259
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3259
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3259
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3259
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3230
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3230
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3230
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3230
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3230
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3230
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3232
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3232
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3232
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3232

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3232
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3232
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3228
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3228
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3228
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3228
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3228
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3228
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3228
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3251
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3251
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3251
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3251
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3251
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3251
RCEP B	2022	2022	0	B!D3251
RCEP B	2023	2023	0	B!E3251
RCEP B	2024	2024	0	B!F3251
RCEP B	2025	2025	0	B!G3251
RCEP B	2026	2026	0	B!H3251
RCEP B	2027	2027	0	B!I3251
RCEP C	2022	2022	0	C!D3251
RCEP C	2023	2023	0	C!E3251
RCEP C	2024	2024	0	C!F3251
RCEP C	2025	2025	0	C!G3251
RCEP C	2026	2026	0	C!H3251

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3251
RCEP D	2022	2022	0	D!D3251
RCEP D	2023	2023	0	D!E3251
RCEP D	2024	2024	0	D!F3251
RCEP D	2025	2025	0	D!G3251
RCEP D	2026	2026	0	D!H3251
RCEP D	2027	2027	0	D!I3251
RCEP E	2022	2022	0	E!D3254
RCEP E	2023	2023	0	E!E3254
RCEP E	2024	2024	0	E!F3254
RCEP E	2025	2025	0	E!G3254
RCEP E	2026	2026	0	E!H3254
RCEP E	2027	2027	0	E!I3254
RCEP F	2022	2022	0	F!D3251
RCEP F	2023	2023	0	F!E3251
RCEP F	2024	2024	0	F!F3251
RCEP F	2025	2025	0	F!G3251
RCEP F	2026	2026	0	F!H3251
RCEP F	2027	2027	0	F!I3251
VIFTA	2024	2024	0	VI!F2999
VIFTA	2025	2025	0	VI!G2999
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2999
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2999

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2703.00 có 2 dòng thuế; dòng 2703.00.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Than bùn, đã hoặc chưa ép thành kiện, nhưng chưa đóng bánh.	2703.00.20 Than bùn đã đóng bánh	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-003	YELLOW	Chịu thuế bảo vệ môi trường	Cột BVMT ghi “MT” – thuế tuyệt đối theo đơn vị hàng hóa.		109/2025/UBTVQH15	Tra mức thuế theo biểu BVMT 2026 và nhập số lượng để tính.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2703.00.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 2% của mã 2703.00.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3256), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.